

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/HS-ST

Ngày: 31 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Mai Phú

+ Ông Nguyễn Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXXST - HS ngày 02/5/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm: 1981, tại: Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, Phường P, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Tổ 2 T, Phường P, TP Đ tỉnh Lâm Đồng; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên đoàn làm phim; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957 và bà: Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1958; vợ: Lưu Thị V, sinh năm 1983; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; tiền án; tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/7/2023, đến ngày 29/12/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang tại ngoại ở địa chỉ Tổ 2 T, Phường P, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt tại phiên tòa.*

- Người bị hại: Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Số 191/1 đường P, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Số 56/31 đường H, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.*

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.*

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc H sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số 29 đường T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.*

4. Bà Lê Thanh T, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số 21/1/2 đường Q, Phường L, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hồng Q là bạn học chung cấp 3 với ông Nguyễn Hồng L tại Đ, sau khi tốt nghiệp thì cả hai không gặp nhau. Khoảng tháng 8/2016, Q và ông L gặp lại nhau, lúc này bản thân Q kinh doanh thua lỗ, biết ông L có nhu cầu xin việc làm, xin chuyển công tác cho một số người quen nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông L. Thực hiện ý định, Q nói với ông L, Q có quen với một người tên T làm ở Tỉnh ủy Lâm Đồng có quan hệ rộng có thể xin chuyển công tác, xin việc làm cho những người quen của ông L với điều kiện ông L phải đưa tiền để Q đưa cho người tên T. Với thủ đoạn này, từ tháng 9/2016 đến tháng 01/2017, Q đã 05 lần chiếm đoạt tiền của ông L cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ông L có chị vợ là bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm: 1976, trú tại: số 191/1 P, Phường B, Đ, Lâm Đồng đang làm cán bộ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đ. Ông L nhờ Q xin cho bà T chuyển về làm việc tại Đ thì Q đồng ý và nói chi phí là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Ngày 05/9/2016, ông L đưa đủ số tiền 50.000.000 đồng cho Q, Q đã chiếm đoạt số tiền này và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Ông L có quen bà Đỗ Thị N, sinh năm: 1967; nơi thường trú: số 56/31 H, Phường K, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bản thân bà N có con trai là Nguyễn Hải Đ, sinh năm: 1991; nơi thường trú: Thôn Nghĩa Lập 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng muốn xin vào làm việc tại Công ty Điện lực Lâm Đồng nên có nhờ ông L giúp. Ông L nhờ Q xin việc giúp cho anh Đ thì Q đồng ý và nói chi phí là 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng*). Ngày 20/9/2016, ông L đưa số tiền 85.000.000đ cho Q, Q chiếm đoạt số tiền này và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Ông L có quen chị Bùi Thị H, sinh năm: 1991; nơi thường trú: Tổ dân phố Đăng Lèn, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Bản thân chị H có em trai là Bùi Quang L, sinh năm: 1992; nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng muốn xin vào làm việc tại Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng nên chị H có nhờ ông L giúp. Ông L nhờ Q xin việc cho anh L thì Q đồng ý nói chi phí là 95.000.000đ (*Chín mươi lăm triệu đồng*). Ngày 04/10/2016, ông L đưa đủ số tiền 95.000.000đ cho Q, Q chiếm đoạt số tiền này và tiêu xài hết.

Lần thứ tư: Bản thân ông L muốn xin vào làm tại Ban Nội chính Tỉnh ủy Lâm Đồng, đồng thời em họ ông L là chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày: 04/8/1990; nơi thường trú: số 29 T, Phường D, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng muốn xin vào làm tại Đài Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng nên ông L nói Q xin việc cho ông L và chị H. Nghe ông L nói vậy, Q đồng ý và nói số tiền xin việc cho ông L là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) còn tiền xin việc cho chị H là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Khoảng cuối tháng 11/2016, ông L đưa số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho Q, Q chiếm đoạt số tiền này và tiêu xài hết.

Lần thứ năm: Ông L có quen anh Nguyễn Hữu C, sinh năm: 1983; nơi thường trú: 21/1/2 Q, Phường H, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bản thân anh C có vợ là chị Lê Thanh T, sinh năm 1983 đang làm việc tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đ muốn xin về làm việc tại Đ nên anh C có nhờ ông L giúp. Ông L nhờ Q xin chuyển công tác cho chị T thì Q đồng ý và nói chi phí hết 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Ngày 06/01/2017, ông L

giao đủ 50.000.000đ cho Q. Đến gần Tết Nguyên Đán 2017, Q nói với ông L là cần thêm 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), ông L đã đưa tiếp cho Q số tiền là 25.000.000đ.

Tuy nhiên, vài tháng sau Q không xin chuyển công tác được cho chị T, chị T; không xin được việc làm cho anh Đ, anh L, ông L, chị H. Ông L nhiều lần đòi lại tiền nhưng Q đều hứa hẹn và sau đó không trả lại nên ông L trình báo Cơ quan CSĐT Công an TP Đ. Cơ quan điều tra đã triệu tập Q đến làm việc, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên (BL: 14, 52-106, 177-197).

Tang vật vụ án:

- Một giấy biên nhận tiền có chữ kí và chữ viết của Nguyễn Hồng Q ngày 5/9/2016.

- Một giấy biên nhận tiền có chữ kí và chữ viết của Nguyễn Hồng Q ngày 20/9/2016.

- Một giấy biên nhận tiền có chữ kí và chữ viết của Nguyễn Hồng Q ngày 4/10/2016.

- Một giấy biên nhận có chữ kí của Nguyễn Hồng Q, ngày 06/01/2017.

- 36 (Ba mươi sáu) tờ giấy A4 thể hiện nội dung tin nhắn giữa ông L và Q

- Một giấy Chứng minh nhân dân số 250517210 mang tên Nguyễn Hồng Qu

Người bị hại: Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm: 1980, trú tại: số 191/1 P Phường B, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông L đã nhận lại số tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo là 405.000.000 đồng và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 141/CT-VKSĐL - LD ngày 09/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Nguyễn Hồng Q về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng Q khai nhận do kinh doanh thua lỗ, biết ông L có nhu cầu xin việc làm, xin chuyển công tác cho một số người quen nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông L. Thực hiện ý định, Q nói với ông L, Q có quen với một người tên T làm ở Tỉnh ủy Lâm Đồng có quan hệ rộng có thể xin chuyển công tác, xin việc làm cho những người quen của ông L với điều kiện ông L phải đưa tiền để Q đưa cho người tên T. Với thủ đoạn này, từ tháng 9/2016 đến tháng 01/2017, Q đã 05 lần chiếm đoạt tiền của ông L như cáo trạng truy tố là hoàn toàn chính xác, bị cáo không thắc mắc khiếu nại gì đối với cáo trạng truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt

Sau phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Hồng Q về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 10 năm tù đến 11 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập xem xét.

Xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án đối với 01 (*một*) giấy biên nhận tiền có chữ kí và chữ viết của Nguyễn Hồng Q ngày 5/9/2016; 01 (*một*) giấy biên nhận tiền có chữ kí và chữ viết của Nguyễn Hồng Q ngày 20/9/2016; 01 (*một*) giấy biên nhận tiền có chữ kí và chữ viết của Nguyễn Hồng Q ngày 4/10/2016; 01

(một) giấy biên nhận có chữ kí của Nguyễn Hồng Q ngày 06/01/2017; 36 (Ba mươi sáu) tờ giấy A4 thể hiện nội dung tin nhắn giữa ông L và Q.

Trả cho bị cáo 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 250517210 mang tên Nguyễn Hồng Q.

Người bị hại ông Nguyễn Hồng L đã nhận lại số tiền 405.000.000 đồng nên không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hồng Q:* Do kinh doanh thua lỗ, thiếu tiền nên trong thời gian từ tháng 09/2016 đến tháng 01/2017 bị cáo Nguyễn Hồng Q đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Hồng L; bị cáo Nguyễn Hồng Q không có khả năng xin chuyển công tác, không có khả năng xin được việc làm và cũng không quen biết ai, không có mối quan hệ nào có thể làm được việc này nhưng lại đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật là có quen một người tên T, người này có quen biết rộng có thể xin được việc làm, xin chuyển được công tác để anh Nguyễn Hồng L tin tưởng, giao cho Q tổng số tiền 405.000.000đ (Bốn trăm lẻ năm triệu đồng) để Q xin việc làm, xin chuyển công tác cho 06 người. Sau khi nhận tiền thì Q không thực hiện các công việc như đã hứa hẹn với anh L mà sử dụng toàn bộ số tiền vào mục đích cá nhân. Hành vi nói trên của Nguyễn Hồng Q đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Hành vi của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành nên căn cứ quy định tại khoản 1 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng đối với bị cáo là điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, bị cáo Nguyễn Hồng Q là người đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực về trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền nhanh chóng không bằng sức lao động của mình nhằm thỏa mãn cho nhu cầu tiêu xài của cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của người bị hại, người liên quan trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra vụ án nên có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị áp dụng tại khoản 1, điểm a khoản 3

Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 như cáo trạng số 141/CT-VKSĐL - LĐT ngày 09/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu. Bên cạnh đó tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Ông Nguyễn Hồng L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 405.000.000đ. Ông L không có yêu cầu gì bị cáo bồi thường nào khác nên không xem xét giải quyết.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Lưu hồ sơ vụ án đối với 01 (một) giấy biên nhận tiền có chữ kí và chữ viết của Nguyễn Hồng Q ngày 5/9/2016; 01 (một) giấy biên nhận tiền có chữ kí và chữ viết của Nguyễn Hồng Q ngày 20/9/2016; 01 (một) giấy biên nhận tiền có chữ kí và chữ viết của Nguyễn Hồng Q ngày 4/10/2016; 01 (một) giấy biên nhận có chữ kí của Nguyễn Hồng Q ngày 06/01/2017; 36 (Ba mươi sáu) tờ giấy A4 thể hiện nội dung tin nhắn giữa ông L và Q.

- Trả cho bị cáo 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 250517210 mang tên Nguyễn Hồng Q

[8] *Về án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (được quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/7/2023 đến ngày 29/12/2023.

2. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hoàn trả cho bị cáo 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân số 250517210 mang tên Nguyễn Hồng Q.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, chứng cứ ngày 17/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ)

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Q phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản sao bản án ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà Lạt;
- Công an Tp. Đà Lạt;
- Nhà tạm giữ - CA Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Minh Hoà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Phú – Nguyễn Minh Sơn

Lê Thị Minh Hoà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà Lạt;
- Công an Tp. Đà Lạt;
- Nhà tạm giữ - CA Tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Hoà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Phú – Nguyễn Minh Sơn

Lê Thị Minh Hoà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đà Lạt;
- Công an Tp. Đà Lạt;
- Nhà tạm giữ - CA Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Hoà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Kim – Nguyễn Đăng Khánh Phụng

Đỗ Thị Vân Anh

